

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA SÚP  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST  
Ngày 18 tháng 6 năm 2024  
V/v "Không công nhận là vợ chồng"

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Hoài

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Bùi Thị Kim Dung và ông Bành Trọng Bình

*Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Đức Nguyên Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa:**

Ông Trần Dương Công – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Súp xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 122/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024. Về "Không công nhận là vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* **Chị Phùng Thị M**, sinh năm 1984

Nơi thường trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

*Bị đơn:* **Anh Sần Quậy T**, sinh năm 1986

Nơi thường trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Nơi ở hiện nay: Thôn I, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện; biên bản lấy lời khai; biên bản hòa giải nguyên đơn chị Phùng Thị M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Sần Quậy T chung sống với nhau vào năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống với nhau từ năm 2004 đến tháng 10/2008 tại xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Từ tháng 11/2008 đến nay anh chị chuyển đến sinh sống tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc nhưng sau đó thường xuyên

xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống, chị và anh T đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay và hiện nay anh T cũng đang chung sống cùng người phụ nữ khác. Hiện nay cuộc sống hôn nhân của anh chị đã quá nhiều mâu thuẫn, nếu cứ tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và T đã có 02 con chung là cháu Sân Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005 và cháu Sân Dùn P, sinh ngày 15/6/2007. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sân Dùn P, sinh ngày 15/6/2007 cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Sân Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005 hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi đã lập gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Theo bản tự khai; biên bản hòa giải bị đơn anh Sân Quầy T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phùng Thị M chung sống với nhau vào năm 2004 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống với nhau từ năm 2004 đến tháng 10/2008 tại xã C, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Từ tháng 11/2008 đến nay anh chị chuyển đến sinh sống tại xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Trong thời gian đầu chung sống cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng sau đó vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống, tính tình vợ chồng không hòa hợp. Anh và chị M đã sống ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Anh nhận thấy cuộc sống vợ chồng đã quá nhiều mâu thuẫn, tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, nên chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho chị M được ly hôn với anh thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị M đã có 02 con chung là cháu Sân Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005 và cháu Sân Dùn P, sinh ngày 15/6/2007. Sau khi ly hôn chị M xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Sân Dùn P, sinh ngày 15/6/2007 cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con chung thì anh đồng ý. Đối với cháu Sân Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005 hiện nay cháu đã đủ 18 tuổi đã lập gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và chị M tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn; Bị đơn chấp hành đúng quy định pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên không công nhận chị Phùng Thị M và anh Sần Quẩy T là vợ chồng. Về con chung: Đối với cháu Sần Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005 đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết; Giao cháu Sần Dùn P, sinh ngày 15/6/2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; Ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phùng Thị M có đơn yêu cầu giải quyết vấn đề hôn nhân, con chung giữa chị với anh Sần Quẩy T, địa chỉ thôn I, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Đây là vụ án “Không công nhận là vợ chồng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa chị M và anh T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị M và anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị M và anh Sần Quẩy T tự nguyện chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Chị M và anh T đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định nhưng không thực hiện là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Căn cứ vào các Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình nên không giải quyết cho chị M và anh T theo thủ tục ly hôn mà cần tuyên bố không công nhận chị M và anh T là vợ chồng là phù hợp.

[4] Về con chung: Chị M và anh T có 02 con chung là cháu Sần Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005 và cháu Sần Dùn P, sinh ngày 15/6/2007. Chị M và anh T đều thống nhất giao con chung là cháu Sần Dùn P, sinh ngày 15/6/2007 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của cháu P nên cần chấp nhận. Đối với cháu Sần Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005, hiện nay đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên,

nếu sau này giữa chị M và anh T có phát sinh tranh chấp về nuôi dưỡng con chung và cấp dưỡng nuôi con mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Đây là quyền định đoạt của các đương sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và không đặt ra giải quyết trong vụ án này về phân chia tài sản chung và công nợ. Tuy nhiên, nếu sau này giữa chị M và anh T có phát sinh tranh chấp về chia tài sản và nợ mà không tự thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Phùng Thị M là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí ly hôn.

[8] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở cần chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

**Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố không công nhận chị Phùng Thị M và anh Sần Quây T là vợ chồng.

### **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:**

*Về con chung:* Giao cháu Sần Dùn P, sinh ngày 15/6/2007 cho chị Phùng Thị M trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Chị M không được quyền cản trở anh Sần Quây T đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Đối với cháu Sần Mùi T1, sinh ngày 05/4/2005, đã đủ 18 tuổi nên không đặt ra giải quyết.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung, nợ chung:* Chị M và anh T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

**Về án phí:** Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Phùng Thị M.

**Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ea Súp;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện Ea Súp;
- UBND xã C, huyện E;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Vũ Thị Hoài**